| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ B**<br>**TỈNH BẮC GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 35/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30 tháng 6 năm 2020
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Phương Thảo

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Môn.
2. Bà Nguyễn Thị Vượng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Mai Hương - Thư ký Tòa án

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 134/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2020/QĐXX-ST ngày 25 tháng 5 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2020/QĐST-HNGĐ ngày ngày 19 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

***** Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Y - sinh năm 1992

HKTT: Thôn P, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở: Thôn A, xã H, huyện C, thành phố Hà Nội

(Có mặt)

***** Bị đơn: Anh Nguyễn Văn G - sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

(Có mặt từ khi xét xử đến 11 giờ 20 phút khi HĐXX đang tuyên án thì anh G bỏ về không có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Y trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn G đăng ký kết hôn ngày 29/5/2009 tại UBND xã Đ, huyện Y (nay là thành phố B), tỉnh Bắc Giang và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Trước khi kết hôn, chị và anh G có được tự do tìm hiểu, việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai

ép buộc và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn, chị về nhà anh G làm dâu ngay, chung sống cùng gia đình chồng tại thôn Phấn Sơn, xã Đ, huyện Y (nay là thành phố B), tỉnh Bắc Giang đến năm 2012 thì chuyển ra ở riêng.

Chị và anh G chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh G không quan tâm chăm lo đến cuộc sống gia đình, nhiều lần đi uống rượu qua đêm không về, chị góp ý thì anh G không những không nghe mà còn đuổi đánh chị. Tháng 3/2020, chị về nhà đẻ tại thôn A, xã H, huyện C, thành phố Hà Nội sinh sống, chị và anh G chính thức ly thân, không quan hệ gì về tình cảm và kinh tế. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh G, đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh G.

Về con chung: Chị và anh G có hai con chung là Nguyễn Quang T sinh ngày 22/7/2010 và Nguyễn Thiên P sinh ngày 31/12/2014. Hiện nay, hai con chung đều đang ở cùng với anh G. Sau khi ly hôn, chị đề nghị được nuôi cả hai con chung, nhưng nếu anh G không đồng ý, chị chỉ đề nghị được nuôi 01 con chung. Chị không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị đang làm công nhân tại Công ty Sam sung Display Việt Nam, thu nhập khoảng 11.000.000 đồng/tháng nên đủ điều kiện nuôi con.

- Về tài sản chung, về nghĩa vụ chung về tài sản: Chị và anh G tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn là anh Nguyễn Văn G trình bày:***

Anh và chị Nguyễn Thị Y sau một thời gian tự do tìm hiểu đã được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Anh và chị Y có đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới, anh và chị Y chung sống hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống trong sinh hoạt hàng ngày. Vợ chồng thường xuyên xích mích, cãi nhau, khiến cuộc sống chung trở nên căng thẳng. Hai vợ chồng anh ly thân được khoảng 3-4 tháng nay, không còn quan hệ gì về tình cảm và kinh tế.

Nay anh xác định dù không còn chung sống dưới một mái nhà nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị Y, mong chị Y nghĩ lại để đoàn tụ gia đình, cùng nuôi dạy các con khôn lớn. Anh không đồng ý ly hôn với chị Y.

Về con chung: Anh và chị Y có hai con chung là Nguyễn Quang T sinh ngày 22/7/2010 và Nguyễn Thiên P sinh ngày 31/12/2014. Hiện nay, hai con chung đều đang ở cùng với anh. Nếu phải ly hôn, anh đề nghị được nuôi cả hai con chung. Lý do anh đề nghị được nuôi cả hai con chung vì công việc của chị Y thường xuyên phải đi làm xa nhà, ít có điều kiện chăm sóc bằng anh. Anh không yêu cầu chị Y

phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh đang làm kinh doanh tự do (tổ chức sự kiện: cho thuê loa đài, phông rạp...), thu nhập khoảng 20.000.000 đồng/tháng nên đủ điều kiện nuôi con.

- Về tài sản chung, về nghĩa vụ chung về tài sản: Anh và chị Y không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập một số tài liệu, chứng cứ.

- Tại Biên bản làm việc ngày 25/5/2020, bà Thân Thị Loan là mẹ đẻ của anh G cung cấp như sau: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Y và anh G là do chị Y và anh G nghi ngờ, ghen tuông, không tin tưởng lẫn nhau. Khoảng 3-4 tháng nay, chị Y bỏ về nhà đẻ sinh sống, chính thức ly thân với anh G. Gia đình đã nhiều lần hòa giải, động viên vợ chồng về đoàn tụ nhưng không có kết quả. Nay chị Y xin ly hôn anh G, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

- Tại Biên bản làm việc ngày 22/5/2020, bà Nguyễn Thị H là mẹ đẻ của chị Y cung cấp như sau: Chị Y anh G chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân thì bà chỉ nghe chị Y nói lại là do anh G không quan tâm chăm lo đến cuộc sống gia đình, nhiều lần đi uống rượu qua đêm không về, và có một vài lần đánh chị Y. Tháng 3/2020, chị Y về nhà đẻ sinh sống, chính thức ly thân anh G từ đó đến nay. Nay chị Y xin ly hôn anh G, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái.

- Tại Biên bản xác minh ngày 25/5/2020, trưởng thôn P, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang cung cấp như sau: Chính quyền địa phương có biết việc chị Y nộp đơn xin ly hôn anh G nhưng nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể giữa chị Y và anh G là gì thì địa phương không nắm được. Chị Y và anh G đã ly thân được 3-4 tháng nay. Chị Y và anh G có hai con chung, hiện nay đều đang ở cùng anh G. Anh G làm công việc kinh doanh tự do, thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng.

- Tại biên bản lấy lời khai của cháu Nguyễn Quang T trình bày: Nguyện vọng của cháu là muốn được ở với cả bố và mẹ, cháu không chọn được là thích ở với ai hơn.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng chị Y vẫn cương quyết ly hôn, anh G không đồng ý ly hôn, từ chối ký tất cả các biên bản làm việc tại Tòa án.

Ngày 19/6/2020, anh G vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Y trình bày: Mâu thuẫn giữa chị và anh G đã rất trầm trọng, nếu tiếp tục chung sống cũng không thể có hạnh phúc, mà còn ảnh hưởng đến việc nuôi dạy con cái. Chị đề nghị Tòa án cho chị ly hôn anh G và đề nghị được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thiên P, nhất trí

để anh G nuôi dưỡng con chung Nguyễn Quang T. Các vấn đề khác chị giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

Bị đơn anh Nguyễn Văn G trình bày: Anh xác định nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là lỗi của anh. Kể từ khi chị Y bỏ đi, anh rất ân hận và đã quyết tâm cải sửa bản thân để chị Y cho anh thêm cơ hội, quay về đoàn tụ gia đình, cùng nuôi dạy các con khôn lớn. Trường hợp phải ly hôn, anh đề nghị được nuôi cả hai con chung vì công việc của chị Y rất bận rộn, ít có điều kiện chăm sóc con bằng anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự (từ chối ký tất cả các biên bản làm việc tại Tòa án, vắng mặt tại buổi làm việc ngày 11/5/2020 và phiên tòa ngày 19/6/2020 không lý do).

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Y được ly hôn anh Nguyễn Văn G.

- Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị Y nuôi con chung Nguyễn Thiên P sinh ngày 31/12/2014, anh Nguyễn Văn G nuôi con chung Nguyễn Quang T sinh ngày 22/7/2010. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Y phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm .

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn Nguyễn Văn G có hộ khẩu thường trú tại thôn Phấn Sơn, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý, giải quyết vụ án này là đúng thẩm quyền, đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Y và anh G kết hôn ngày 29/5/2009 trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu. Tại thời điểm kết hôn, hai bên có đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Chị Y và anh G đều xác định quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất

đồng quan điểm sống. Chị Y và anh G đã ly thân được 3-4 tháng nay. Gia đình đã động viên, hòa giải và Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng chị Y vẫn cương quyết ly hôn chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị Y và anh G đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Y về việc ly hôn anh Nguyễn Văn G theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung:

[3.1] Chị Y và anh G có hai con chung là Nguyễn Quang T sinh ngày 22/7/2010 và Nguyễn Thiên P sinh ngày 31/12/2014. Sau khi ly hôn, chị Y và anh G đều có nguyện vọng nuôi con chung. Xét thấy, chị Y và anh G đều có việc làm, có thu nhập, nơi ở ổn định nên cần giao cho chị Y và anh G mỗi người nuôi dưỡng một con chung đến khi trưởng thành là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3.3] Chị Y và anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì lợi ích của người con, Toà án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Y được ly hôn anh Nguyễn Văn G.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị Y nuôi con chung Nguyễn Thiên P - sinh ngày 31/12/2014, anh Nguyễn Văn G nuôi con chung Nguyễn Quang T - sinh ngày 22/7/2010. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Chị Y và anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của người con, Toà án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

3. Về án phí: Chị Y phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2018/0001201 ngày 17/4/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Xác nhận chị Y đã thi hành xong án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- VKSND TP. B;
- CCTHADS TP. B;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Đ,TP B, tỉnh Bắc Giang
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Nguyễn Phương Thảo**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hương Giang**